

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, nơi ĐKTT: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn Phương Chủ Nam, xã Trường Thành, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 1998. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống tại khu Hoàng Xá, thị trấn An Lão. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, thường sử dụng ma túy, một mình chị phải lo toan cho gia đình, con cái. Chị đã khuyên anh T để cùng chăm lo cho gia đình nhưng không có kết quả. Do kinh tế khó khăn nên chị phải đi làm xa để gửi tiền về cho các con học hành và sinh hoạt hàng ngày. Từ năm 2014 đến nay, chị và anh T sống ly

thân, không còn quan tâm nhau. Chị thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trang N, sinh năm 1999 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 14-6-2006. Cháu N đã trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được nuôi cháu Ncháu P, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Do cháu N, cháu P có nguyện vọng được ở với anh T nên chị đồng ý để anh T nuôi con. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh T trình bày: Nội dung chị M trình bày về điều kiện kết hôn, về con chung và về tình trạng hôn nhân là đúng. Lúc còn trẻ, anh có chơi bời dẫn đến nghiện ma túy, chị M phải lo toan gánh vác cho gia đình nhiều. Từ năm 2014, chị M bảo đi làm xa để lo kinh tế cho gia đình, từ đó không về. Nay chị M làm đơn ly hôn không trao đổi với anh. Anh thừa nhận bản thân có sai dẫn đến vợ chồng ly thân. Tuy nhiên, nay anh đã tự cai nghiện và đang điều trị Methadone tại Trung tâm Y tế huyện An Lão. Anh thấy vẫn còn tình cảm với chị M và cuộc sống hôn nhân vẫn hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Về con chung, trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị theo nguyện vọng của cháu N, cháu P. Trong quá trình vợ chồng ly thân, cháu N, cháu P sinh sống cùng anh, được chăm lo, học hành chu đáo. Bản thân anh có chỗ ở và thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Do anh T thường sử dụng trái phép chất ma túy nên cuộc sống hôn nhân của chị M và anh T không hòa hợp, hạnh phúc và từ năm 2014 đến nay đã sống ly thân. Chị M và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trang N, sinh năm 1999 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 14-6-2006. Trong thời gian chị M và anh T sống ly thân, cháu Ncháu P ở cùng anh T, được cả anh T và chị M chăm sóc và lo cho học hành chu đáo. Cháu Ncháu P có nguyện vọng được ở cùng anh T. Anh T đang tự cai nghiện, điều trị Methadone tại Trung tâm Y tế huyện An Lão.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh T; giao cháu Ncháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Văn T, cư trú tại Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn Thị M và anh T tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão năm 1998, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08-12-1998. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp theo quy định tại các điều 5, 6 và 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

[3] Trong quá trình chung sống, do anh T thường sử dụng trái phép chất ma túy nên đời sống chung của chị M và anh T không hoà thuận, hạnh phúc. Từ năm 2014 đến nay, chị M và anh T sống ly thân, mỗi người một nơi, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Xét thấy, chị M và anh T đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trang N, sinh năm 1999 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 14-6-2006. Cháu N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu Ncháu P đang sinh sống ổn định cùng anh T, được chăm sóc, cho học hành chu đáo và có nguyện vọng được ở cùng anh T. Chị M cũng đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu Ncháu P. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu Ncháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh T có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Hà P, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị M đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005801 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND thị trấn An Lão, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt